

*Làm được thơ hay, rồi thơ ấy gặp được người đọc thâm cảm nó, rồi người ấy lại viết cái cảm sâu của mình ra thành nhận định thuyết phục, sướng ơi Nguyễn Đức Sơn! (TT)*

## **Võ Phiến, “Thơ Nguyễn Đức Sơn”**

Tập thứ nhất của *Những bài tình đầu* ra đời từ năm ngoài. Đến cuối năm nay *Những bài tình đầu* đã in đến tập thứ ba, nhưng ít ai nói đến. Những tác phẩm ấy đều do “Mặt Đất” xuất bản, mang ở bìa trước bìa sau đầy những lời tuyên bố kỳ quặc. Có phải vì mãi chú ý tới những cái kỳ quặc ấy mà ít người kịp chú ý đến cái hay trong tác phẩm. Nếu quả vậy, thật đáng tiếc.

Bởi vì mặc dù bề ngoài Nguyễn Đức Sơn có những điệu bộ lạ mắt, những quát tháo hung dữ, nhưng kỳ thực đó là người rất gần gũi chúng ta. Một người con trai mới lớn, bờ ngõ đôi với thân xác mình, tha thiết mà rụt rè trong tình yêu, thèm muốn mà e ngại đối với người yêu; một người con trai mới lớn, rạo rực tung bừng trước cuộc sống huy hoàng, mà đồng thời lặng người đau xót trước cái tịch liêu của mệnh mỏng, cái hư ảo vô nghĩa của cuộc đời.

Nguyễn Đức Sơn là như thế, có gì kỳ cục đâu. Ông trích hai câu của Huy Cận để lên đầu sách mình, rất thích hợp:

“một chiếc linh hồn nhỏ  
mang mang thiên cổ sầu”

Thực ra, Nguyễn Đức Sơn không những chỉ gặp Huy Cận. Cùng với Huy Cận, ông đã gặp môi “thiên cổ sầu”, ông xúc động vì những gì đã xúc động các thi sĩ từ muôn đời trước. Tuy nhiên trước một vài bản khoán căn bản, mỗi thế hệ có một cách phản ứng riêng, một lối phát biểu riêng. Trần Tử Ngang, Lý Bạch v.v. cũng kêu than trước vũ trụ bao la, trước cuộc đời ngắn ngủi; nhưng phải đến Huy Cận, đến thời kỳ của cá nhân chủ nghĩa, con người bị lạc loài bơ vơ ngoài tập thể, tiếng kêu mới mang thêm nỗi run sợ khiếp hoảng. Từ Huy Cận đến Nguyễn Đức Sơn không cách xa đến thế. Tuy vậy sự khác nhau cũng đã rõ rệt.

Chúng ta, những độc giả của hôm nay, chúng ta yêu Nguyễn Đức Sơn vừa ở chỗ ông giống vừa ở chỗ ông khác với các thế hệ trước. Chỗ giống ấy làm cho lớp người này không đến nỗi ngẩn ngơ, tự thấy quái dị trước lịch sử; chỗ khác ấy làm nên cái thích thú riêng của những kẻ đồng cảnh hiểu nhau.

\*

Trông thấy Nguyễn Đức Sơn khoa trương về những tác phẩm “ngọt mắt” của mình và xỉ vả tất cả những ai, “bất luận già hay trẻ, đực hay cái”, muốn lợi dụng tài năng mình, người ta tưởng tượng ông ngổ ngáo không ai bằng. Nhưng hãy đến gần một chút, sẽ thấy ông hiền lành dễ mến biết chừng nào. Con người ta chỉ làm bộ làm tịch lúc bình thường, chứ một khi có điều trọng đại xảy đến, lay động sâu xa, thì liền quên hết bộ tịch mà xuất lộ ngay chân tướng. Chuyện quan trọng trong đời có lẽ không gì hơn là cái chết của người thân và tình yêu của mình.

Tôi không biết sinh mệnh của thân mẫu Nguyễn Đức Sơn có lần nào bị nguy ngập thực chẳng (1) hay là ông chỉ mơ thấy mẹ qua đời mà những lời ông thốt ra chắc chắn ai nghe cũng phải cảm động. Toàn bài Mây Trắng chỉ có câu:

“huyết dài bóng xế lấp đời con”

là có dùng đến hình ảnh tu từ. Ngoài ra, toàn thi là giản dị hết sức, cũng giản dị như những tình cảm chân thành trên đời:

“hình bóng ngày xưa khuất núi rồi  
còn đây khăn trắng vấn đầu thôi  
còn đây một mảnh hồn đơn chiếc  
như cánh chim cô bạt cuối trời.”

Những câu như thế tưởng ai cũng viết được: chẳng những không có gì cao kỳ, lại còn cũ kỹ, khuôn sáo. Nhưng truyền được nỗi buồn ngùi vào những lời tầm thường như thế thì phải là một xúc cảm thật chân thành mới truyền nổi.

Hàng ngày bước đi giữa phố phường ai nấy đều không ngớt chạm mặt người xa kẻ lạ, nhưng mấy ai phát giác được cái điều giản dị mà lạ lùng này:

“hờ hững bao người đâu phải mẹ”

Nguyễn Đức Sơn đáng mến trong trường hợp đau xót ấy, mà còn đáng mến ngay cả khi ông yêu đương. Đến cái tuổi mà mọi thiếu niên bắt đầu nghĩ về người bạn khác giống thì mỗi lần

“áo ai bay hờ trên xe lửa”

Nguyễn Đức Sơn cũng tưởng tượng xa xôi và mơ ước. Ông không giấu giếm gì hết về sự thèm muốn da thịt, cái da thịt đàn bà nó là một bí mật huyền diệu đối

với anh con trai cỡ tuổi đó:

“tôi rất thèm và rất xôn xang  
ước ao một phút cũng thiên đàng  
trời hồi từng đêm ôm gối lạnh  
đã xôn xang càng thêm xôn xang.”

(Cảm Thương)

Lớn hơn nữa thì mỗi khi “xôn xang” như thế người ta sẽ không do dự gì cả, thế nhưng đối với các cậu dưới tuổi hai mươi mọi sự đều rắc rối;

“dù rất thèm và muốn biết qua  
nhưng sẽ muôn đời tôi trốn xa  
tôi nguyện làm một người độc nhất  
hoàn toàn trong sạch cho đến già.”

(Cảm Thương)

Dĩ nhiên không bao giờ nên tin ở lời “nguyện” ấy. Khi mới bắt đầu yêu, mỗi anh con trai mỗi cô con gái đều là một người trong sạch độc nhất. Tất cả những trường hợp độc nhất ấy đều giống nhau, giống ở sở nguyện mà cũng giống luôn ở sự lỗi nguyện. Sự tất nhiên gì vẫn đến với mọi kẻ khác rồi cũng đến với Nguyễn Đức Sơn, điều ấy không đáng trách. Đáng chú ý chẳng là nổi luyện tiếc chân thành của ông đối với thời trong trắng đã mất: giới thiệu tập Cát Bụi Mệt Mọi ông ghi rằng đó là tập truyện ngắn đầu tiên “viết trước khi trở thành đàn ông”. Thời buổi bây giờ đến con gái lắm người họ cũng không buồn ghi nhớ và không nhớ nổi họ thành đàn bà lúc nào, thế mà có anh con trai lấy cái ngày thành đàn ông làm ngày trọng đại thì có phải là ngoan không chứ.

\*

Yêu người thì thèm thì muốn, người con trai ấy yêu đời cũng mãnh liệt, cũng nồng nàn dữ lắm.

Một buổi mai, trời đẹp, cây xanh, rừng xanh, một bầy nai kéo nhau đi ăn cỏ, có con nai mẹ:

“vú lê dài rung rinh rung rinh”

trước cảnh ấy:

“tôi bỗng thấy mạch đời bùng cháy

như nhựa xuân tràn lên đầu cành  
rồi tôi thấy mạch đời đang chảy  
ở trong tôi mà sao (2) mong manh.”

(Thanh Thảo)

Khi say sưa, ngây ngất, không ai bằng ông:

“chiều êm hơn cả gió lùa  
tôi ra cuối bãi tôi đùa với trăng  
tay choàng lên với môi hần  
tôi mượn gió là tôi mượn vú đời  
có hương có nhạc trên trời  
tóc tôi se gió mắt ngời ánh sao.”

(Trên Rừng Thưa)

Đã lâu trong thơ văn chúng ta thiên nhiên lần lần mất chỗ. Một phần vì ai nấy dồn về đô thị, xa rời cỏ cây trăng sao, một phần vì các mối tương quan giữa người với người càng ngày càng gay gắt, choán hết đầu óc tâm trí ta, ta không còn mấy cơ hội xúc cảm trước tạo vật. Trăng, gió, núi, sông v.v... chỉ còn là những ký hiệu vô vị. Ở Nguyễn Đức Sơn thì không như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông là những cái gì cụ thể: con nai vú dài rung rinh, vài “chú dã tràng” bu quanh khi ông giả vờ chết trên bờ biển v.v. Ông nói rất nhiều đến sông mưa, biển hoang, còn lạnh, nhất là đến cái bãi biển trên đó ông làm nhiều trò lạ, nhưng không bao giờ nói bằng giọng hờ hững; ông động đến cái gì là y như cảm quan ông tràn ngập vì cái ấy, từ đám mây bạc bay giữa trời trong lúc ông nằm giả chết trên cát mà cứ ngỡ mây phiêu phiêu kia đang đưa mình “về cõi tuyệt vời mai sau”, cho đến cái “nặng rặng vô thường dưới khe” ở Dran. Ông viết:

“... tôi về lắng cả buổi chiều  
nghe chim ăn trái rụng đều như kinh  
còn một mình hỏi một mình  
có chẳng hồn với dáng hình là hai  
từng trưa nằm nghỉ đất dài  
phiêu phiêu nhẹ cái hình hài bay lên”...

(Mang Mang)

Máy ai trong chúng ta giữa cuộc sống náo nhiệt ngày nay còn lắng nghe được một buổi chiều một buổi trưa như thế? Mà những buổi chiều buổi trưa kỳ diệu ấy ở đâu vậy? đến hồi nào vậy? Có lẽ chẳng ai bắt gặp. Nó là công trình dựng nên do một tâm hồn còn nhiều mật thiết với cuộc sống thiên nhiên. Nguyễn Đức

Sơn có lý khi ông nghĩ mình sẽ có thể đồng hoá với ngọn rêu với ánh nắng chiều. Ông có hy vọng trở về nguồn:

“mai tôi về nằm giữa rong rêu  
tôi trải thân tôi xuống giữa chiều  
sương nắng tà huy lên mái tóc  
khi trời vang lạnh tiếng chim kêu  
mai tôi về nằm giữa hoang liêu  
tôi trải cô đơn xuống giữa chiều”...

(Mai Tôi Về)

Nguyễn Đức Sơn mà trở về nguồn ông sẽ hoà tan vào vạn vật, óc tim ông sẽ “hoà vào một khối”, “hoà vào giữa mát lạnh rong rêu”, trong khi óc tim nhiều kẻ khác lúc tan rã bày ra ngổn ngang những bận bịu lung tung, những con toán, không hoà vào đâu được.

\*

Càng nồng nàn thì càng thất vọng về cuộc sống: cái huy hoàng của nó thật ngắn ngủi và vô nghĩa. Những giác quan tinh nhạy đã xúc động vì cái tung bừng náo nức ngự trong một tiếng chim hót, một ánh nắng mai, những giác quan ấy cũng tinh nhạy trong việc cảm nhận ra cái vắng vẻ tịch liêu xung quanh kiếp sống.

Có lẽ những câu thơ hay nhất của Nguyễn Đức Sơn là liên quan đến mối ám ảnh thường xuyên ấy. Nhớ Quách Thoại, ông tự hỏi:

“không biết từ đâu ta đến đây  
mang mang trời thăm đất xanh dày  
lớn lên mang nghiệp làm thi sĩ  
sống điều linh rồi chết đoạ đầy.”

(Hoài Niệm)

Nhân nghĩ đến một người bạn thơ đã khuất, đến một cái chết, thì băng khuâng như vậy cũng là lẽ thường. Đàng này đàng nằm trên bờ biển, thở ra hít vào thích thú, ông cũng chợt thần thờ:

“mai sau này chỗ tôi nằm  
sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru.”

(Một Mình Nằm Thở Đủ Kiêu Trên Bờ Biển)

Buồn thảm thật.

Một tâm hồn trót đã có lần chạm mặt với Hư Vô, thì bất cứ lúc nào, có duyên có hay không có duyên có chính đáng, đều có thể bị nó sùng sững hiện đến đe dọa, ngay cả khi đời chớm nở, ngay giữa hạnh phúc gia đình:

“tôi dòm đời, khi tuổi sắp hai mươi  
thấy vắng tan hoang ngụt đất trời  
cha mẹ anh em còn đông đủ  
mình tôi sao mỗi sầu không nguôi

ngập ngừng chân bước con đường vắng  
mây trắng bay lên oà đất trời  
tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ  
biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi.”

(Bọt Nước)

“ngựa chùn bước gặp hoang sơ  
tôi dừng chân thấy hư vô bủa đầy.”

(Tâm Tư)

Trích dẫn câu này câu nọ là chuyện làm bất đắc dĩ và tai hại. Một câu thơ, một đoạn thơ, bị búng ra khỏi toàn thể, khỏi cái không khí của nó, nó biến dạng, mất đi cái đặc sắc ngay. Chẳng qua trong khi biện luận chúng ta bị bắt buộc phải lôi ra dí tận mắt kẻ đối thoại những bằng chứng cụ thể để có thể nói: “Này, coi có quả không nào.” Những cái lôi ra đó phải xác thực, phải rõ ràng, nhưng không phải là cái tinh vi đẹp dễ nhất. Thật ra cái “mây trắng oà đất trời”, cái “hư vô bủa đầy”, nó bàng bạc, tràn ngập khắp tác phẩm của Nguyễn Đức Sơn, nó ngấm vào từng dòng chữ, từng lời thơ của ông. Vì vậy mà dù ông “một mình đuổi theo mây bạc bay trên biển”, ông “qua thung lũng cũ”, ông “lăn cù trên bờ biển”, ông nghe một “tiếng gà rừng gáy”, hay chỉ làm một cái việc đơn giản là “khép cửa” v.v., đó vẫn không phải là những chuyện tầm thường vu vơ: phía sau chúng lúc nào cũng rờn rợn cái Hư Vô đe dọa. Những chuyện khép cửa, nghe gà... không phải để thuật lại cuộc sống thường nhật, mà gọi lên cái bao la hui quanh ngoài cuộc sống thường nhật. Thứ “mây trắng oà đất trời” ở đây nó mở rộng kích thước tâm hồn người thơ thành mênh mông.

Trước kia, có lần Huy Cận chia thi sĩ làm hai hạng: một hạng mô tả cuộc đời; một hạng nữa, tò mò hơn, không bằng lòng nhìn cuộc sống đã thành hình mà còn muốn dự biết đến công cuộc sáng tạo của Hoá công; nói cách khác, một hạng nhấp rượu thưởng thức ngon dở, còn một hạng nữa thì hé nhìn vào lò xem

cái lúc hạt gạo đang lên men. Huy Cận tự xếp vào hạng sau và dĩ nhiên là lấy làm kiêu hãnh về sự tò mò của mình.

Sau cách mạng tháng tám 1945 trong văn học ta những thách mắc siêu hình tiêu tan hết, bị quét một loạt như những bóng ma. Dân tộc nhào vô cuộc chiến tranh với Pháp, lao mình vào công việc gian lao, nguy hiểm, và quên hết những suy tư viễn vông. (Cũng như anh chàng Duy trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo, khi còn chơi bời trác táng, thấy đời mình thừa thãi, nghĩ ngợi vớ vẩn xa xôi, nhưng đến lúc bắt tay vào công việc xã hội liền thấy tâm hồn thanh thản hơn). Thế nhưng ở Huy Cận thì sự chuyển biến trong tâm tư chậm chạp lắm. Sau 1945 khá lâu, nghe một tiếng hát ru trong đêm vắng ông còn có cảm tưởng:

“Buồn sao như dạ héo hon,  
Đời nghe ú ớ hãy còn sơ khai.  
Nghe đời đau quặn trong thai  
Tiếng ru chan chứa đêm dài còn mang.”

(Tiếng Ru Em)

Ngày nay tình hình xứ sở rắc rối không kém hai mươi năm trước, thế hệ này bận rộn không kém thế hệ Huy Cận. Thế mà Nguyễn Đức Sơn cũng lại cảm thấy “hư vô bủa vây”.

Dầu sao, có lẽ lúc nào cũng có kẻ cúi đầu xuống công việc, và có kẻ ngẩng đầu lên khỏi công việc.

\*

Lại vừa nhắc tới Huy Cận nữa! Chúng ta có vẻ chú ý quá nhiều đến chỗ giống nhau giữa Nguyễn Đức Sơn và các lớp người trước. Thực ra, không ai có bản sắc riêng rõ rệt, có cá tính mạnh mẽ bằng ông. Bản sắc và cá tính có nhiều dính líu đến thời đại này.

(...)

Nguyễn Đức Sơn (...) điềm nhiên giản dị (...) biết bao:

“đầu tiên tôi thở cái phào  
bao nhiêu phiền não như trào ra theo  
nín hơi tôi thở cái phèo  
bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không”...

(Một Minh Năm Thở Đủ Kiểu Trên Bờ Biển)

Cứ thế ông thờ “đủ kiêu”. Rồi qua một bài thơ khác ông lại “khoái trí nằm thờ nữa”.

(...) Trong thơ ta đã mấy ai nghe những tiếng thờ cái phào cái phèo ngang tàng như vậy? (Nhất là đọc cho đến hết bài “thờ đủ kiêu” ta giật mình thấy không phải đó là cái ngông vô cớ, ta không ngờ những hơi thờ ấy lại đưa ta đi xa đến thế).

(...)

Tất cả những cái ấy cho thấy lớp người trước trong những lúc muốn làm ra quái dị nhất vẫn không quái dị bằng lớp người “hôm nay”, và ngay khi muốn tỏ ra quái dị các thi sĩ trước vẫn hướng về cái thanh nhã, còn các thi sĩ “hôm nay” không hề kiêng kị tục tĩu. Bích Khê có lần nói tới cái “sự thực trần trụi nằm giữa háng”, nhưng sự thực đó được Bích Khê tô vẽ thành ngọc thành ngà thành hương thành tuyết, nên dầu nó nằm ở đâu nó cũng hoá ra một bửu vật cao quý.

Hoặc lên trời, lên trăng, lên một tinh cầu giá lạnh nào đó, hoặc tắm trăng, hoặc đòi hỏi thứ nhan sắc lên hương, thứ sự thực tuyết điểm v.v. đều là không chịu cái thực tại quanh mình, mơ ước vượt thoát lên khỏi cái thực tại ấy. Mặt khác, thờ cái phào cái phèo, lẩn cù, vọc c...v.v... cũng là một thái độ bất cần, không bằng lòng thực tại. Nhưng một bên ước mơ thoát ly có tính cách lãng mạn, một bên là sự hục hặc vùng vằng, cộc cằn, thô tục .

Nguyễn Đức Sơn không hục hặc một mình. Xung quanh ông, một thế hệ cũng làm như ông (...) Cuộc sống ngày nay, nhất là ở đô thị, quá phiền toái, quá chật chội, kỹ luật, khiến con người ta bực bội, cáu kỉnh, phản ứng mãnh liệt, quá đà.

Dĩ nhiên ta nêu lên những cái ấy không phải như là những ưu điểm, càng không phải là những ưu điểm về thơ. “Lẩn cù” cũng vậy, mà ngầm nghĩa “sự thực” cũng vậy: thi ca không vì đó mà thêm hay. Nêu lên là để cảm thông nét tâm trạng của một thời, để cho người đứng ngoài cảnh ngộ dầu không tán thành cũng chỉ mỉm cười mà không đến nỗi chê trách.

\*

Kể ra làm thơ không phải chỉ nhằm mục đích cho có được bài hay. Sáng tác vì thế thôi thì “com gạo” quá. Làm như vậy quả đáng gọi là sản xuất: sản xuất tác phẩm.

Viết, hay vẽ, hay đàn hát v.v., đành là để tạo ra một hình thức đẹp, nhưng trước hết là vì muốn biểu hiện một tâm trạng, muốn thoát ra ngoài một chứa đựng gì



trong lòng. Hai ý định có khi không gặp nhau. Có những hình thức đẹp mà không chứa đựng. Lại có những trường hợp mà cái chứa đựng phong phú không tìm được hình thức thích nghi. Riêng về chuyện bực dọc trước nếp sống ngày nay, có lẽ Nguyễn Đức Sơn của chúng ta không phải táo tợn hơn hết đâu. Trên các tạp chí, trên những tác phẩm xuất bản năm bảy năm nay, thiếu gì quái dị được bày ra. Kẻ thưởng thức không phải ai nấy đều hẹp hòi không chấp nhận được những quái dị đó; có điều đáng tiếc là ít khi nó gặp được một hình thức biểu hiện đẹp đẽ.

Bởi vì dù để diễn tả sự phẫn nộ, cuồng loạn, cách diễn tả cũng phải vâng theo một kỹ luật, cái kỹ luật tự nó tìm ra. Không thể không thành được nghệ thuật, dù là nghệ thuật điên loạn. Vứt màu loạn xạ lên khung vải là một hoạt động có thể rất bổ ích đối với nghệ sĩ nhưng rốt cuộc không đưa tới thành công nghệ thuật nào. Bước nhảy *twist* có loạn tới đâu cũng không phải là thứ bước chân vô kỹ luật chen nhau chỗ chợ trời. Những hò hét, những inh ỏi của nhạc *jazz* không giống tiếng đấu khẩu ngoài công lộ; nó vẫn có tiết điệu riêng của nó. Nghệ phẩm nào dù có cốt giải toả một ẩn ức, đồng thời cũng phải thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ.

Ở xứ ta, sau ngày đình chiến 1954, giới văn nghệ bị phân hoá rõ rệt. Các thi sĩ cao niên có khuynh hướng ỷ lại vào kỹ thuật, mài dũa nên những công trình khéo léo mà ít sinh khí. Trái lại, lớp trẻ mang những tình cảm sôi nổi, mà thường khi chưa kịp tìm ra cách thể hiện, cho nên tiếng hò hét rầm rộ của họ thừa huyên náo, thừa sức gây ngạc nhiên, bắt buộc ai nấy phải chú ý, nhưng rồi không mấy ai thưởng thức, vì nó chưa có cái đẹp, đức tính thiết yếu của nghệ phẩm. Phải chăng vì vậy mà một thời kỳ dồi dào xúc động như thời kỳ này lại cứ bị kêu là nghèo về sáng tác?

Nguyễn Đức Sơn thuộc lớp trẻ, rất trẻ. Nhưng ông không quá bận tâm về những bực dọc ray rứt của mình đến nỗi cầu thả trong kỹ thuật thể hiện. Trái lại, bút pháp của ông tài tình có lẽ không kém các bậc đàn anh lão luyện. Đọc đi đọc lại bài Đau Đớn (ở tập *Bọt nước*), ta bị mê hoặc vì cái tác dụng ma quái của những câu thơ lặp nhau, thoăn thoắt tiếp nối nhau, lướt tới không ngừng như nước chảy sông trôi. Không cần biết có câu nào xuất sắc, có ý tưởng nào thâm trầm hay cao siêu, cũng không kịp dừng lại để phân tích những chi tiết ấy, người đọc cứ đọc lên là bị lôi cuốn ngay, triền miên trong niềm đau dằng dặc, người đọc cứ việc tự phó thác vào cái nhịp điệu lạ lùng của bài thơ, rồi tự nhiên nhận thấy sức tác động dị thường của nó.

Đây đó trong tác phẩm, chúng ta có nhiều dịp sững sờ trước một mỹ quan mới mẻ như thế.

\*

Nguyễn Đức Sơn có những ý tưởng các có:

“nhiều khi đợi nắng chiều tan  
tôi mông lung nghĩ theo làn mây trôi  
ngày kia nếu ở trên đời  
cha tôi không cưới mẹ tôi bây giờ  
sinh ra tôi có làm thơ  
để điêu linh vẫn như chờ riêng thôi  
những đêm sao sáng đầy trời  
bỗng nhiên tôi khóc trên đời hư không.”

(Hồi Tưởng)

“Nếu” mà xảy ra cái điều tai hại nọ khiến trên đời không có thơ Nguyễn Đức Sơn, thì đối với “trời đất mang mang” chắc chắn là chuyện không đáng kể. Nhưng với chúng ta, hàng ngày vẫn khao khát mần mò tìm văn thơ để đọc, thoả mãn thêm một thứ nhu cầu của một kiếp nhân sinh vốn đã mang nhiều hệ lụy, đối với chúng ta sự vắng thiếu ông sẽ là một thiệt thòi đáng kể. Bởi vậy mà mặc dù ông đe dọa, cấm đoán cả việc phê bình, sau khi đọc mấy tập thơ ông tôi vẫn đánh liều bày tỏ nỗi sung sướng của mình.

Làm thơ là chuyện muôn vàn khổ đau. Khen thơ, nếu có tự chuốc lấy ít nhiều nguy hiểm, đã sao!

*(Tập chí Bách Khoa, SG, số 238, ra ngày 1-12-1966.  
In trong bộ Văn học Miền Nam của Võ Phiến.)*

- (1) Có chỗ ông viết: “cha mẹ anh em còn đông đủ” (Bọt Nước).  
(2) “Mà sao”, hay “sao mà”?

**Nguồn:** <http://www.gocnhin.net/cgi-bin/viewitem.pl?2175>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)



**TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7400 TÁC PHẨM**